

HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Trường Đại học Hải Phòng
Email: Nhandhnp@gmail.com

Ngày nhận: 04/9/2017
Ngày nhận bản sửa: 20/11/2017
Ngày duyệt đăng: 20/01/2018

Tóm tắt:

Bài viết chỉ rõ sự đa dạng về thành phần trong phương thức huy động, sự linh hoạt trong cơ cấu sử dụng vốn đầu tư phát triển là yếu tố quan trọng để mỗi địa phương, quốc gia phát huy nguồn lực, lợi thế cạnh tranh. Dựa trên cơ sở dữ liệu về lượng vốn đầu tư phát triển tại thành phố Hải Phòng từ năm 2001 đến nay, nghiên cứu cho thấy tổng vốn đầu tư phát triển tăng nhanh, trong đó đầu tư khu vực nhà nước tăng nhanh về số tuyệt đối, giảm mạnh về tỷ trọng, đóng vai trò “vốn môi” thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước, tăng nội lực, tạo sức hấp dẫn thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Căn cứ dự báo về nhu cầu vốn đầu tư phát triển dài hạn của Hải Phòng, bài viết gợi mở hàm ý chính sách về huy động và sử dụng vốn cho mỗi nguồn vốn và cơ chế giám sát kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển.

Từ khóa: Vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn, huy động vốn, sử dụng vốn

Capital Mobilization and Its Utilization for Developing Investment in Haiphong

Abstract:

The paper presents the versatile forms of mobilizing capital and the flexibility in utilizing development investment capital as an important factor for each region and each nation to maximize their resources. Based on Haiphong's development capital database from 2001 to present, the overall development capital strongly increases its size, investment in state-owned sectors significantly grows its absolute value and decreases its proportion, playing the “capital trigger” attracting private investment and foreign investment as well as boosting internal power. According to projection of long-term investment demand, the article implies a sound policy about capital mobilization and its utilization for each capital source, accompanied by a wise inspection mechanism in the overall development investment plan.

Keywords: Investment capital for development, capital, capital mobilization, capital utilization

1. Đặt vấn đề

Vốn đầu tư phát triển luôn được coi là nhân tố quan trọng trong phát triển kinh tế của mọi quốc gia, địa phương. Các lý thuyết kinh tế đều coi vốn đầu tư là nhân tố quan trọng để tăng trưởng và phát triển kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững trong tương lai. Hải Phòng là thành phố cảng biển,

cửa chính ra biển của các thành phố phía Bắc, cực tăng trưởng Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển quan trọng của cả nước và quốc tế. Sự phát triển của Hải Phòng có ý nghĩa quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đối với Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước (Nguyễn Thị Thanh Nhân, 2015).

Trong thời gian qua, thành phố đã tập trung huy động và sử dụng một lượng vốn lớn để phát triển nhanh chóng hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng du lịch, dịch vụ, qua đó góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, chất lượng tri thức, năng suất lao động. Tuy vậy, Hải Phòng vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức về quy mô và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội tương xứng với tiềm năng, lợi thế, vị trí và vai trò của thành phố (Thành ủy Hải Phòng, 2018).

Bài viết này tập trung đánh giá quá trình huy động và sử dụng vốn theo hướng phát triển dài hạn, qua đó đề xuất một số phương hướng, giải pháp huy động và sử dụng vốn phù hợp với các điều kiện mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng Hải Phòng thành thành phố cảng xanh, văn minh, hiện đại, trung tâm dịch vụ, công nghiệp lớn có sức cạnh tranh cao,... tương xứng với vai trò cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

2. Phương thức huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển

Sự đa dạng về thành phần trong phương thức huy động, sự linh hoạt trong cơ cấu sử dụng vốn đầu tư phát triển gia sẽ là “đòn bẩy” để mỗi địa phương, quốc gia phát huy nguồn lực, lợi thế cạnh tranh của mình.

2.1. Phương thức huy động vốn

Phương thức huy động vốn đầu tư là những cách thức tổ chức khai thác các nguồn lực tài chính và nguồn lực tài chính tiềm năng nhằm gia tăng thêm lượng vốn mới cho nền kinh tế để đưa vào đầu tư phát triển. Về bản chất, chúng đều được sinh ra do quá trình tiết kiệm và tích lũy thuộc quyền sở hữu của cá nhân và nhà nước.

2.1.1. Huy động vốn trong nước

+ *Huy động vốn qua kênh ngân sách nhà nước:* Huy động vốn qua kênh ngân sách nhà nước được thực hiện dưới các hình thức như động viên thuế, phí và các hình thức vay nợ qua kho bạc nhà nước (như công trái, trái phiếu, tín phiếu,...). Như vậy, nguồn vốn này được hình thành từ nguồn tích lũy của ngân sách và nguồn vốn tín dụng của nhà nước.

+ *Huy động vốn qua các ngân hàng, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và dân cư:* bằng cách phát hành cổ phiếu, trái phiếu; vay trung hạn và vay dài hạn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng; và tài trợ bằng thuê mua.

2.1.2. Huy động vốn nước ngoài

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài là phương thức huy động vốn quan trọng cho đầu tư phát triển kinh tế trong điều kiện điếm xuất phát và khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn thấp. Huy động vốn nước ngoài có 2 phương thức chủ yếu:

+ *Huy động vốn đầu tư trực tiếp:* Đầu tư trực tiếp nước ngoài thường dựa trên ưu thế về vốn, kỹ thuật, công nghệ và thường được hướng vào các lĩnh vực có khả năng thu nhiều lợi nhuận nhất. Vì thế, nó có khả năng cho ra đời những ngành công nghiệp, những khu công nghiệp mới, đổi mới cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng mức xuất khẩu hàng hoá, tăng thu ngoại tệ.

+ *Thu hút vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài:* thông qua vay nợ và viện trợ vừa là nguồn tài trợ quan trọng để bù đắp thiếu hụt ngân sách và cũng là nguồn vốn cho đầu tư phát triển kinh tế. Vốn vay và viện trợ nằm trong tay nước chủ nhà nên có ưu điểm là nước nhận vốn có thể chủ động sử dụng nó theo mục đích của mình.

+ *Huy động vốn kiều bào:* Đây cũng là nguồn vốn khá quan trọng đối với các nước đang phát triển. Tùy vào tình hình cụ thể của mỗi nước, nguồn vốn này có thể đóng vai trò tích cực trong quá trình phát triển (Nguyễn Bạch Nguyệt & Từ Quang Phương, 2010).

2.2. Phương thức sử dụng vốn đầu tư

Phương thức sử dụng vốn đầu tư là những cách thức tổ chức sử dụng vốn đã được huy động từ các nguồn vốn một cách hợp lý và đạt hiệu quả nhất.

Xét trên phương diện toàn bộ nền kinh tế (quốc gia, vùng, lãnh thổ) thì các phương thức sử dụng vốn đầu tư nhằm giải quyết vấn đề vốn đầu tư được sử dụng như thế nào và phân bổ vào đâu để cuối cùng tạo ra được một cơ cấu đầu tư hợp lý tác động trực tiếp vào quá trình tái sản xuất xã hội để chuyển hoá thành một cơ cấu kinh tế hiệu quả thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn nhất định. Chẳng hạn:

Xét theo lĩnh vực hoạt động của các kết quả đầu tư trong xã hội, cơ cấu đầu tư bao gồm: đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (kỹ thuật và xã hội). Đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật và cơ sở hạ tầng tạo điều kiện cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao; ngược lại đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh lại tạo tiềm lực cho đầu tư

phát triển khoa học kỹ thuật và cơ sở hạ tầng cũng như các loại đầu tư trong nền kinh tế.

Xét theo mức độ sử dụng của vốn đầu tư, cơ cấu đầu tư là tổng thể gồm 2 thành phần là đầu tư cho phát triển kinh tế và đầu tư xã hội. Đầu tư cho phát triển kinh tế nhằm tạo ra cơ sở cho sự phát triển của các ngành sản xuất và dịch vụ.

Xét cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế: Cơ cấu này quy định tỷ lệ phân bổ vốn đầu tư toàn xã hội vào các ngành kinh tế qua các giai đoạn phát triển vì nó tác động trực tiếp đến sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế (Từ Quang Phương, 2014).

3. Kết quả huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng

3.1. Cơ chế huy động và sử dụng vốn

Bộ Chính trị (2003) và Ban chấp hành Trung Ương (2013) đã xác định mục tiêu huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển trong giai đoạn qua được thực hiện theo hướng *phát huy tối đa các nguồn lực, lợi thế để xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố Cảng xanh, văn minh, hiện đại, trung tâm dịch vụ, công nghiệp lớn có sức cạnh tranh cao; là trọng điểm phát triển kinh tế biển của cả nước; là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, cửa chính ra biển của các địa phương phía Bắc và hành lang kinh tế Việt Nam - Trung Quốc.*

Huy động vốn cho *đầu tư phát triển* tại thành phố yêu cầu tập trung vào trọng tâm:

- Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển nhanh, bền vững. Chuyển hướng phát triển chủ yếu từ chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế;

- Tăng trưởng kinh tế gấp từ 1,5 - 2 lần bình quân cả nước, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.900 - 5.000 USD, cơ cấu kinh tế dịch vụ chiếm 63%, công nghiệp - xây dựng 33,5% và nông, lâm, thủy sản 3,5% đến năm 2020;

- Xây dựng và phát triển đô thị Hải Phòng theo hướng đô thị cảng biển xanh, văn minh, hiện đại. Thực hiện tốt ba khâu đột phá chiến lược, trong đó phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phải bảo đảm đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố và vùng; huy động mọi nguồn lực đầu tư, kể cả vốn nước ngoài dưới nhiều hình thức BOT, BTO, BT, PPP... (Đan Đức Hiệp, 2015).

Để thực hiện phương hướng trên, một số cơ chế tài chính huy động được thể hiện xuyên suốt, nổi bật

qua các văn bản của Thủ tướng Chính phủ (2004) về một số cơ chế tài chính ngân sách ưu đãi đối với thành phố; Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác. Chính phủ (2017) quy định về một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hải Phòng. Đó là căn cứ để thành phố có điều kiện huy động nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng, thực hiện các công trình cấp thiết của thành phố.

3.2. Kết quả huy động và sử dụng vốn

3.2.1. Quy mô huy động và sử dụng vốn

Lượng vốn huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố được thể hiện qua Bảng 1. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2006 - 2010 đạt 118,374 nghìn tỷ VND, gấp 2,57 lần giai đoạn 2001 - 2005, đạt tốc độ tăng 20,2%/năm, bằng 57,44% GDP. Giai đoạn 2011 - 2015, quy mô vốn đầu tư phát triển của Hải Phòng tăng chậm, đạt gần 206.694 tỷ VND, tăng bình quân 8,81%/năm, gấp 1,75 lần giai đoạn 2006 - 2010. Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư trên GDP của Hải Phòng đã giảm từ 55,3% năm 2010 xuống còn 38,08% vào năm 2015 nhưng vẫn khá cao so với cả nước (năm 2015 là 36,6%). Năm 2016 tổng số vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn thành phố là 56.383 tỷ VND, tăng 15,5% so với năm 2015. Năm 2017, đạt 67.853 tỷ VND, tăng 20,34% so với năm 2016.

Giai đoạn 2016 -2017, Thành phố tập trung các biện pháp tái cơ cấu đầu tư công, xây dựng và áp dụng quy trình hợp lý, chặt chẽ, có hiệu quả về xác định, thẩm định, lựa chọn, phân bổ vốn đầu tư; vốn đầu tư từ ngân sách thành phố trong giai đoạn này đã tập trung bố trí cho các dự án, công trình trọng điểm, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật có sức lan tỏa lớn, các dự án hoàn thành và chuyển tiếp việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới được hạn chế tối đa.

Tổng vốn FDI thực hiện giai đoạn 2006-2010 đạt 17.490 tỷ VND, bằng 993,42 triệu USD. Tỷ trọng đã tăng từ 12,43% thời kỳ 2001 - 2005 lên 26,5% vào thời kỳ 2011-2015. Lượng vốn thu hút được hàng năm là gần 7 tỷ USD, đứng trong top đầu cả nước (2011 đạt 968,255 triệu USD, đứng thứ 4 cả nước năm 2012 đạt 1264,665 triệu USD, đứng thứ 3 và năm 2015 đạt 967,4 triệu USD, đứng thứ 7 cả nước).

Giai đoạn 2011-2015, đặc biệt năm 2016, thành phố rà soát, cải tiến các thủ tục đầu tư, thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư, đổi mới phương pháp xúc tiến đầu tư. Môi trường đầu tư kinh doanh của thành phố được cải thiện. Lần đầu Hải Phòng dẫn

đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tổng số vốn đầu tư FDI năm 2016 đạt 2 tỷ 900 triệu USD, tăng 228,5% so với cùng kỳ. Trong khi đó, cả nước thu hút 19,6 tỷ USD, bằng 78% so với cùng kỳ, giảm 22%). So với địa phương đứng thứ hai là Bình Dương (đạt 1,93 tỷ USD), Hải Phòng gấp 1,5 lần. So với thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng gấp 2,05 lần (ước thu hút khoảng 1,34 tỷ USD) và so với Quảng Ninh thì gấp 5,5 lần (ước thu hút khoảng 0,5 tỷ USD). Tính đến 31-12-2016, Hải Phòng thu hút 15,89 tỷ USD, đứng thứ 6 cả nước (địa phương đứng thứ 5 là Đồng Nai thu hút được 25 tỷ USD).

Hải Phòng cũng thành công trong việc thu hút các doanh nghiệp trong nước có tiềm lực, kinh nghiệm và quy mô nhất như Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Sun Group, Tập đoàn Him Lam. Tổng mức đầu tư lên tới hàng trăm nghìn tỷ VND, triển khai nhiều dự án có giá trị kinh tế cao (Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, 2017).

Vốn đầu tư phát triển được huy động và sử dụng hiệu quả. So với cả nước, tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên GDP của Hải Phòng cao hơn nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng cao nên hệ số ICOR của thành phố tương đối thấp, cả giai đoạn là 5,2 (cả nước là 6,09). Đây là điểm tích cực so với các địa phương khác.

3.2.2. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển

Cơ cấu vốn đầu tư phát triển chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực kinh tế Nhà nước, tăng mạnh tỷ trọng vốn đầu tư từ tư nhân. Tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực kinh tế Nhà nước giảm mạnh từ 46,11% tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn vào thời kỳ 2001 - 2005 xuống còn 32,86%

vào thời kỳ 2006 - 2010 và chỉ còn 30,02% vào thời kỳ 2011 - 2015. Giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến còn 28,3%.

Vốn ngân sách nhà nước đã đóng vai trò quan trọng trong việc đầu tư nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và làm tăng sức hấp dẫn đối với các nguồn vốn đầu tư khác. Nhiều dự án lớn trên địa bàn thành phố đã được ngân sách trung ương tăng hỗ trợ vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ. Một số dự án quan trọng của các Bộ, ngành trung ương, các Tổng công ty và các đơn vị trong thành phố đã được triển khai trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Vốn của khu vực ngoài nhà nước đạt tỷ lệ cao nhất bằng 52,36% trong thời kỳ 2006 - 2010 và giảm còn 43,48% vào thời kỳ 2011 - 2015, dự kiến còn 40,2% thời kỳ 2016 - 2020. Cơ cấu đầu tư xã hội của Hải Phòng trong giai đoạn qua qua thể hiện rõ xu thế gia tăng tính tự chủ của thành phố trong đầu tư phát triển. Tỷ lệ đầu tư do địa phương quản lý tăng từ 71,9% tổng vốn đầu tư xã hội trong thời kỳ 2001 - 2005 lên 79,0% tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn thời kỳ 2011 - 2015.

Tỷ trọng vốn FDI còn thấp, khoảng dưới 15,0% giai đoạn 2001 - 2010, tuy nhiên đã tăng lên 26,5% giai đoạn 2011 - 2015 và dự kiến là 31,5% giai đoạn 2016 - 2020. Thu hút đầu tư nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020 có định hướng và có chọn lọc vào các lĩnh vực quan trọng: công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực; chế biến nông sản, phát triển các vùng khó khăn, nông nghiệp và nông thôn; sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng; các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; các ngành có tỷ trọng xuất

Bảng 1: Quy mô vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2001 đến nay

Chỉ tiêu	Thời kỳ			
	2001-2005	2006-2010	2011-2015	2016-2020 (*)
1. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tỷ VND)	46.053	118.374	206.694	441.246
2. Vốn đầu tư theo khu vực				
Khu vực nhà nước	21.236	38.898	62.045	124.873
Khu vực ngoài nhà nước	19.094	61.986	89.868	177.381
Khu vực FDI	5.723	17.490	54.781	138.992
3. Vốn đầu tư theo ngành				
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.392	3.923	5.447	
Công nghiệp - Xây dựng	15.277	41.328	91.883	
Dịch vụ	29.384	73.123	109.364	

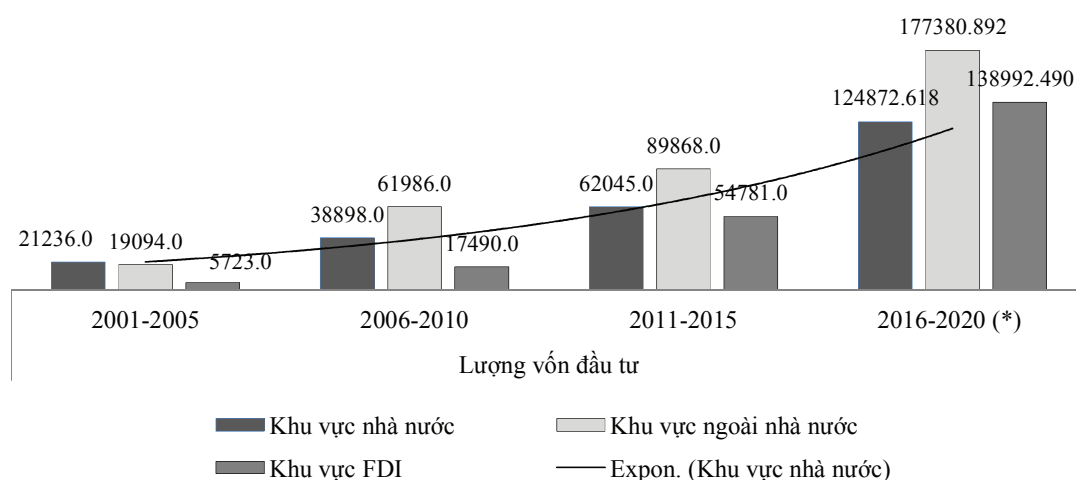
Nguồn: Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (2017), (* là số liệu giai đoạn kế hoạch)

Bảng 2: Cơ cấu vốn đầu tư xã hội và cơ cấu vốn đầu tư của Hải Phòng

Chỉ tiêu	Giai đoạn			
	2001-2005	2006-2010	2011-2015	2016-2020 (*)
1. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	100%	100%	100%	100%
2. Cơ cấu vốn đầu tư theo khu vực				
Khu vực nhà nước	46.11%	32.86%	30.02%	28.30%
Khu vực ngoài nhà nước	41.46%	52.36%	43.48%	40.20%
Khu vực FDI	12.43%	14.78%	26.50%	31.50%

Nguồn: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2017)

Hình 1: Quy mô nguồn vốn đầu tư phát triển (tỷ VND)



Nguồn: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2017)

khẩu lớn; các ngành có ý nghĩa về an sinh xã hội (khám chữa bệnh, công nghiệp dược và vắc-xin, sinh phẩm), bảo đảm môi trường và an ninh quốc gia. Kết hợp thu hút FDI với phát huy nội lực của doanh nghiệp nội địa có vai trò “vệ tinh”.

3.3. Hạn chế trong huy động và sử dụng vốn

Công tác huy động và sử dụng vốn hiện nay còn những hạn chế cơ bản sau:

Một là, tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách thành phố hiện nay chưa tương xứng với nhu cầu của thành phố: Với vị trí là cửa ngõ chính ra biển của cả miền Bắc, một cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ nên nhu cầu chi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn thành phố là rất lớn, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị;

Hai là, nhiều công trình, dự án vượt quá khả năng của ngân sách và huy động sức dân dẫn đến kéo dài

thời gian thực hiện, phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư;

Ba là, thị trường bất động sản đóng băng nên thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất không đạt kế hoạch. Điều này đã hạn chế việc bổ sung nguồn vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, dẫn đến tình trạng nhiều dự án hoàn thành, bàn giao đưa và sử dụng nhưng vẫn còn nợ đọng;

Bốn là, nguồn thu trên địa bàn chưa ổn định, bền vững và chưa có nguồn thu lớn tạo sự đột biến lớn cho ngân sách;

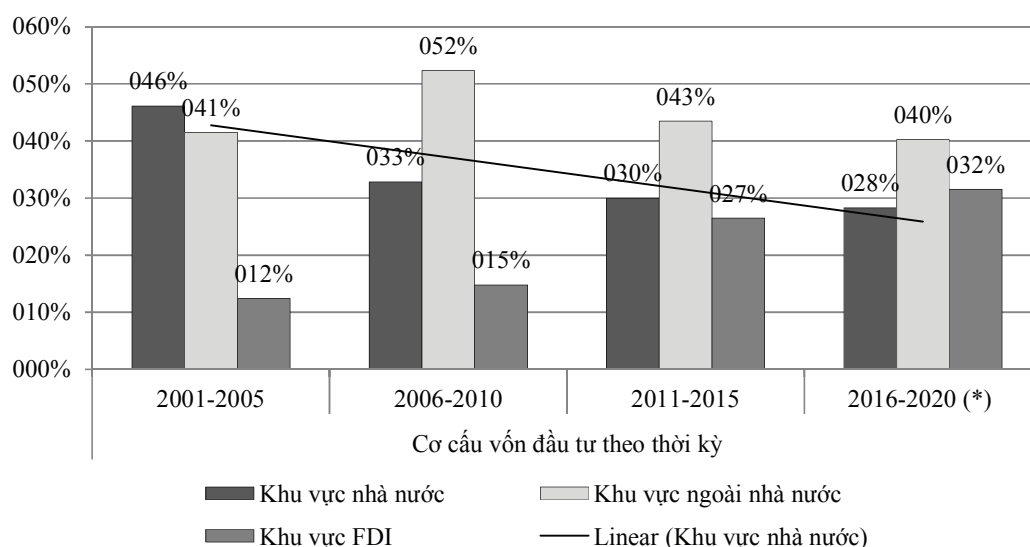
Năm là, chất lượng, hiệu quả của các dự án đầu tư thu hút còn chưa cao, chưa thực sự khai thác hết được các lợi thế tiềm năng.

3.4. Nguyên nhân chủ yếu

Những hạn chế trên trong huy động và sử dụng vốn bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguồn thu trên địa bàn chưa ổn định, bền vững

Hình 2: Cơ cấu vốn đầu tư phát triển theo số tương đối



Nguồn: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2017)

và chưa có nguồn thu lớn tạo sự đột biến lớn cho ngân sách. Kinh tế của thành phố tuy đã có sự hồi phục và tăng trưởng nhưng tập trung vào một số ngành nghề, lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng không phát sinh nộp, trong khi thuế thu nhập doanh nghiệp lại được hưởng ưu đãi trong thời gian dài, đã ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình thu ngân sách nhà nước;

- Cơ chế, chính sách thu hút đầu tư còn nhiều bất cập; hệ thống văn bản pháp luật về thu hút đầu tư còn nhiều chồng chéo, chưa được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời. Các hoạt động xúc tiến đầu tư còn mang

tính đơn lẻ, tính liên ngành, liên vùng còn chưa cao;

- Nhận thức, trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý còn hạn chế. Trình độ, năng lực của một số cán bộ quản lý đầu tư như chủ đầu tư, tư vấn lập, quản lý, giám sát dự án... chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến việc triển khai các dự án không đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra, làm tăng chi phí, giảm hiệu quả đầu tư;

- Công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công dài hạn vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Tính kế hoạch hóa trong dài hạn của đầu tư chưa được quan tâm đúng mức làm cho thành phố bị động trong việc huy

Bảng 3. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư phát triển Thành phố đến 2030

Chỉ tiêu	2016-2020	2021-2025	2026-2030	2016-2030
1. Nhu cầu vốn (tỷ VND, giá so sánh 2010)	441.246	769.789	1.323.790	2.534.825
(Triệu USD, giá so sánh 2010)	20.829	36.338	62.490	119.657
2. Vốn đầu tư phân theo nguồn trong nước và nước ngoài	100%	100%	100%	100%
Vốn trong nước	68,50%	67,00%	65,30%	66,40%
Vốn nước ngoài	31,50%	33,00%	34,70%	33,60%
3. Vốn theo hình thức quản lý	100%	100%	100%	100%
Khu vực nhà nước	28,30%	26,10%	23,80%	25,30%
Trong đó vốn ngân sách	11,50%	11,00%	10,80%	11,00%
Khu vực ngoài quốc doanh	40,20%	40,90%	41,50%	41,10%
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	31,50%	33,00%	34,70%	33,60%
4. Tốc độ tăng trưởng vốn	17,80%	17,20%	16,50%	17,20%

Nguồn: Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng (2017)

động nguồn lực, trong công tác xây dựng kế hoạch triển khai các dự án đầu tư, dẫn đến tình trạng không cân đối đủ nguồn vốn đáp ứng đúng tiến độ của các dự án, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư.

4. Dự báo nhu cầu và đề xuất giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển

4.1. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư

Dự báo tổng vốn đầu tư phát triển thành phố trong 15 năm từ 2016 - 2030 theo giá so sánh năm 2010 là hơn 2.534 nghìn tỷ VND (tương đương 119,657 tỷ USD giá so sánh năm 2010). Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư trung bình là 17,2%/năm. Theo xu thế đầu tư hiện nay và nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài trong những năm sắp tới, để khai thác tiềm năng to lớn về cảng biển và các ngành kinh tế biển, đầu tư sẽ có xu thế gia tăng đột biến sau khi một số dự án hạ tầng lớn liên quan như Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đi vào hoạt động. Cơ cấu đầu tư sẽ theo hướng tỷ trọng đầu tư khu vực nước ngoài; đầu tư khu vực trong nước sẽ giảm nhẹ trong suốt thời kỳ 2016 - 2030. Đầu tư khu vực nhà nước sẽ giảm dần còn 23,8% vào thời kỳ 2026 - 2030, trong đó vốn đầu tư có nguồn gốc ngân sách sẽ giảm từ 11,7% thời kỳ 2011 - 2015 còn 10% vào thời kỳ 2026 - 2030.

Vốn đầu tư khu vực nước ngoài tăng từ 26,5% thời kỳ 2011 - 2015 lên 31,5% thời kỳ 2016-2020, bằng 33% vào kỳ 2021-2025 và 34,7% vào thời kỳ 2026-2030, do xu thế đầu tư lớn của nước ngoài vào các công trình hạ tầng quy mô lớn và xu thế đầu tư vào các dự án lớn về dịch vụ vận tải biển, xuất nhập khẩu và công nghiệp sản xuất điện tử, thiết bị đi động và sản xuất động cơ.

Đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong nước sẽ giữ ở mức 40,2% thời kỳ 2016 - 2020 và tăng dần lên 41,5% thời kỳ 2026 - 2030. Trong bối cảnh chung của khu vực và quốc tế, ưu tiên dành cho các nước chậm phát triển về ODA sẽ có xu thế giảm dần, dự báo nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức có thể dành cho thành phố Hải Phòng sẽ không quá 1% tổng nhu cầu vốn đầu tư của thành phố. Trong điều kiện đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cần huy động sẽ đạt khoảng trên 33,6% tổng đầu tư xã hội, tức là tăng từ 2.478 triệu USD thời kỳ 2011 - 2015 lên 6.561 triệu USD thời kỳ 2016 - 2020 và tương ứng lên 11.992 triệu USD và 21.684 triệu USD vào 2 thời kỳ 2021 - 2025 và 2026 - 2030. Tốc độ tăng trưởng đầu tư nước ngoài khá cao, khoảng 22,5%/năm trong suốt 15 năm. Điều này đòi hỏi

những can thiệp nhất định của nhà nước về cơ chế, chính sách đối với thành phố, đồng thời thành phố cũng phải có chiến lược đặc biệt thu hút các nguồn vốn nước ngoài vào địa bàn của mình (Thành ủy Hải Phòng, 2018).

4.2. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư

4.2.1. Giải pháp huy động vốn từ nguồn ngân sách nhà nước

Tăng cường khai thác các nguồn thu, tiết kiệm chi để tăng mức đầu tư từ ngân sách bình quân hàng năm 17,2%/năm do nhu cầu đầu tư hạ tầng lớn. Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế thành phố, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển. Cụ thể như sau:

Một là, tích cực huy động nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhân rộng của Kho bạc Nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tăng cường xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, nhất là các dự án lớn về giao thông, thủy lợi, quốc phòng an ninh... được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển của Bộ ngành chủ quản nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

Hai là, trong khuôn khổ pháp luật về đất đai, cần thực hiện tốt việc động nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Ba là, xây dựng cơ chế, biện pháp tăng thu ngân sách trên địa bàn, giám sát thu và chi hợp lý để tránh thất thoát, tăng vốn cho đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách để xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt. Cần thực hiện tốt các quyết định về chính sách ưu tiên đối với thành phố để huy động nguồn vốn vào đầu tư phát triển.

Bốn là, tăng thu từ nguồn khai thác cảng biển, từ xuất nhập khẩu. Xây dựng cơ chế chính sách tiên cho hoạt động xuất nhập khẩu tại các cảng biển trên cơ sở chính sách chung Nhà nước đã ban hành.

Năm là, đẩy mạnh sản xuất kinh, đặc biệt đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời giảm chi phí đầu vào, nhằm tăng giá trị gia tăng sản phẩm.

4.2.2. Vốn ngoài nhà nước

Thứ nhất, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư. Tích cực và chủ động lựa chọn các

dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao để tập trung thu hút đầu tư vào các khu kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp và các trục phát triển. Nhanh nhạy và tranh thủ kịp thời sự ủng hộ của Chính phủ, các Bộ ngành để thu hút vốn đầu tư từ các nước có tiềm năng về vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đức, Pháp và một số nước Trung Đông.

Tăng cường thu hút, vận động các nguồn vốn từ nhân dân, các doanh nghiệp cho phát triển kinh doanh, dự án dân doanh nhỏ và vừa, xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa thể thao, khuyến khích nhân dân tham gia các hoạt động phát triển hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, trại) theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư trực tiếp vào các dự án lớn, các lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao hoặc các dự án dịch vụ biển, du lịch sử dụng nhiều lao động. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP; nghiên cứu phát hành trái phiếu công trình địa phương.

Thứ hai, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, các hình thức tạo vốn, mở rộng các nguồn thu. Nghiên cứu áp dụng các hình thức công cụ huy động vốn như huy động tiết kiệm, phát hành kỳ phiếu, trái phiếu... có mức lãi suất thích hợp với và bảo hiểm tiền gửi. Tạo tích lũy, huy động mọi tiềm năng về tài nguyên, tài sản của mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư để đầu tư vào sản xuất kinh doanh sinh lời cho cá nhân và xã hội.

4.2.3. *Vốn nước ngoài*

Huy động ODA đầu tư cho các công trình hạ tầng đô thị lớn thuộc các lĩnh vực giao thông, môi trường, cấp, thoát, xử lý nước thải, rác thải,... trong đó quan tâm đến các nhà tài trợ lớn có quan tâm đầu tư vào Hải Phòng như WB, ADB, JICA, AFD,... tranh thủ các dự án NGO để đầu tư kết cấu hạ tầng và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho nông dân và các cộng đồng nghèo thông qua xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư, chuẩn bị ngân hàng dự án với những thông tin cần thiết đối với các dự án đầu tư trong và ngoài nước và có lộ trình vận động đầu tư rõ ràng trên cơ sở bám sát các chương trình, dự án ưu tiên của các tổ chức tài chính quốc tế, các nhà tài trợ.

Để thu hút được nguồn vốn FDI cần tiếp tục vận dụng hợp lý các cơ chế, chính sách, cải tiến các thủ tục đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà

đầu tư vào khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, các khu công nghiệp công nghệ cao của thành phố, gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Hướng FDI vào các ngành công nghệ cao, đạt trình độ tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo sức cạnh tranh của sản phẩm và tỷ lệ hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; hướng FDI vào thực hiện các mục tiêu chuyển đổi kinh tế và chuyển đổi cơ cấu sản xuất của thành phố, đặc biệt là các ngành dịch vụ tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, phát triển đô thị.

Nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài: thông qua các phương tiện thông tin, thân nhân trong nước đẩy mạnh tuyên truyền, kêu gọi, khuyến khích cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài về đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn thành phố Hải Phòng, đồng thời có chính sách ưu đãi thích hợp.

4.2.4. *Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển*

Tổ chức quản lý chặt chẽ việc chi ngân sách đảm bảo tăng đầu tư ngân sách cho phát triển kết cấu hạ tầng và các lĩnh vực thiết yếu. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình quốc gia, các dự án hỗ trợ quốc tế để tạo sức mạnh tổng hợp của các nguồn vốn và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư;

- Sử dụng các nguồn vốn đầu tư có tính chất ngân sách nhà nước cho việc hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa, có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển thành phố;

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA và ngân sách Trung ương đối ứng cho địa phương khi thực hiện các dự án ODA. Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, quy mô lớn và hiện đại, có tác dụng và ảnh hưởng nhiều đến các địa bàn quan trọng của thành phố; hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng xã hội; phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển nông nghiệp và nông thôn; ưu tiên các dự án vốn lớn, thu hút nhiều lao động, tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ và bao tiêu sản phẩm, có công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường; hỗ trợ bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh;

- Nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước sẽ tập trung cho các dự án có khả năng thu hồi vốn, các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản; xây dựng các cơ sở chế biến: nông sản,

thủy sản; các dự án hạ tầng xã hội quan trọng; dành vốn đối ứng cho các dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức;

- Khuyến khích đầu tư khu vực tư nhân đối với các ngành nghề sử dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất những sản phẩm có giá trị cao (điện tử, viễn thông, sản xuất phần mềm...), các nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và phát triển nông thôn;

- Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản xuất sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đặc biệt là các dự án của các tập đoàn hàng đầu thế giới về công nghệ và quản lý; các dự án công nghiệp phụ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dịch vụ có hàm lượng tri thức cao; dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, phát triển kết cấu hạ tầng.

4.3. Giám sát chặt chẽ kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển thành phố

Kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển thành phố trong thời kỳ trung và dài hạn cần được lưu trữ tập trung và giám sát một cách hệ thống các thông tin về lộ trình đầu tư của các dự án theo ngành và lãnh thổ, theo nguồn vốn đầu tư trên cơ sở phối hợp với công tác lập kế hoạch đầu tư trung hạn các kỳ 5 năm trên địa bàn. Kết quả đánh giá thường kỳ việc triển khai các hoạt động đầu tư vào thành phố sẽ là căn cứ để rà soát đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các chương trình trọng tâm và các chính sách hỗ trợ thực hiện nhằm điều chỉnh phù hợp và kịp thời. Định kỳ hàng năm đầu tư phát triển thành phố cần được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển các ngành và lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, quy hoạch phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Vùng Đồng bằng Sông Hồng và thể hiện mối liên kết chặt chẽ giữa các ngành, lĩnh vực của thành phố theo nguyên tắc thống nhất, phát huy cao độ hiệu quả liên ngành, liên vùng của từng công trình, đặc biệt là các công trình do thành phố quản lý.

Tài liệu tham khảo

- Ban chấp hành Trung Ương (2013), *Kết luận số 72-KL/TW ngày 10 tháng 10 năm 2013, về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, của Bộ Chính trị khóa IX “Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”*, ban hành ngày 5 tháng 8 năm 2003.
- Bộ Chính trị (2003), *Nghị quyết số 32-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, ban hành ngày 5 tháng 8 năm 2003.
- Chính phủ (2017), *Nghị định số 89/2017/NĐ-CP quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thành phố Hải Phòng*, ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2017.
- Đan Đức Hiệp (2015), *25 năm thu hút vốn FDI tại Hải Phòng thực trạng và giải pháp*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Từ Quang Phương (2014), *Giáo trình Quản lý Dự án*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Nguyễn Bạch Nguyệt & Từ Quang Phương (2010), *Giáo trình Kinh tế Đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thanh Nhân (2015), *Quản lý Đầu tư phát triển từ Ngân sách nhà nước*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Thành ủy Hải Phòng (2018), *Kết quả hai năm (2016-2017) thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ Thành phố*, Nhà xuất bản Hải Phòng, Hải Phòng.
- Thủ tướng chính phủ (2004), *Quyết định số 54/2004/QĐ-TTg về một số cơ chế tài chính ngân sách ưu đãi đối với Thành phố Hải Phòng*, ban hành ngày 05 tháng 4 năm 2004.
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2016), *Đề án nhiệm vụ, giải pháp tăng cường kỷ cương thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư công, Hải Phòng*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng (2017), *Báo cáo tổng hợp Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến 2030*, Hải Phòng.
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2017), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội TP Hải Phòng năm 2017*, Hải Phòng.